

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/DS-ST
Ngày: 17/6/2021.
“*V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân.

2. Bà Trần Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/TLST-DS ngày 13/4/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1959.

Địa chỉ: TDP B, thị trấn N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị L, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: TDP B, thị trấn N, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà H, bà L có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Do quen biết với nhau nên bà Mai Thị L có hỏi bà vay tiền, cụ thể như sau: Ngày 20/10/2017 vay số tiền là 50.000.000 đồng; ngày 08/12/2017 vay 50.000.000 đồng; ngày 26/01/2018 vay 60.000.000 đồng; ngày 12/3/2018 vay là 50.000.000 đồng; ngày 26/3/2018 vay 40.000.000 đồng; ngày 09/8/2018 vay 20.000.000 đồng; ngày 16/10/2018 vay 10.000.000 đồng và ngày 03/12/2018 vay 5.000.000 đồng. Tổng số tiền bà L vay là 285.000.000 đồng, những lần vay tiền hai bên giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của

bà L, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn trả nợ là 06 tháng. Sau khi bà L vay tiền về sử dụng, đến ngày 20/6/2020 bà L đã trả 23.100.000đồng, (trong đó trả 10.000.000đồng tiền gốc và 13.100.000đồng tiền lãi). Đến ngày 21/01/2021 bà L trả 20.000.000đồng tiền gốc, còn nợ lại 255.000.000đồng tiền gốc, hàng tháng bà L phải trả cho bà 5.000.000đ tiền gốc và tiền lãi, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,3%/tháng tính từ ngày 10/3/2021. Đến thời hạn bà đã yêu cầu nhiều lần nhưng bà L không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà theo thỏa thuận. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà buộc bà Mai Thị L phải trả cho bà số tiền gốc là 255.000.000đồng, tiền lãi tạm tính là 150.397.000đồng. Ngoài ra, bà không trình bày và yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Mai Thị L trình bày: Từ năm 2017 đến năm 2018 bà có vay nhiều lần tiền của bà H, việc vay tiền hai bên có viết giấy tay với nhau, thời hạn vay là 06 tháng, tổng số tiền bà vay bà H là 285.000.000đồng. Sau khi vay tiền về sử dụng bà đã trả 30.000.000đồng tiền gốc còn nợ lại 255.000.000đồng tiền gốc như bà H trình bày là đúng. Đối với tiền lãi bà trả cho bà H từ năm 2017 và năm 2018 việc trả lãi bà không viết giấy tờ gì. Đến ngày 21/01/2021 bà H có viết giấy chốt nợ bà còn nợ lại bà H là 255.000.000đồng tiền gốc. Hàng tháng bà sẽ có trách nhiệm trả cho bà H 5.000.000đồng, số tiền này được trừ vào tiền gốc và tiền lãi, mức lãi suất thỏa thuận là 1,3%/tháng, tính từ ngày 10/3/2021 (DL). Đến ngày 22/3/2021 bà đã trả 5.000.000đồng và ngày 26/4/2021 bà trả 5.000.000đồng, được trừ vào tiền lãi, nếu còn dư được vào tiền gốc. Nay bà H yêu cầu bà trả 255.000.000đồng tiền gốc thì bà L đồng ý, đối với khoản tiền lãi bà H yêu cầu là 150.397.000đồng bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả lãi 1.3%/tháng theo giấy thỏa thuận ngày 21/01/2021, thời gian tính lãi từ ngày 10/3/2021 cho đến nay. Ngoài ra, bà không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa các bên đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, các đương sự có mặt tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điều 463, 466 và điều 468 Bộ luật dân sự. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà L phải trả cho bà H số tiền gốc là 255.000.000,đồng và 97.117.000đồng tiền lãi.

Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận, nhưng bà H đã trên 60 tuổi,

thuộc diện người cao tuổi nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà H. Buộc bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Xuất phát từ việc bà Nguyễn Thị H cho bà Mai Thị L vay tiền, thời gian vay từ ngày 20/10/2017 đến ngày 03/12/2018. Tổng số tiền bà L vay 285.000.000đồng, khi vay hai bên có viết giấy tay và thỏa thuận 06 tháng sẽ trả tiền gốc, tiền lãi. Trong thời gian vay tiền bà L đã trả cho bà H được 30.000.000đồng tiền gốc và 23.000.000đồng tiền lãi. Đến hạn bà L không trả số tiền gốc, tiền lãi cho bà H theo thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là: *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”*. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 20/10/2017 đến ngày 03/12/2018 bà Mai Thị L vay 285.000.000đồng tiền gốc của bà Nguyễn Thị H, việc vay tiền có viết giấy vay, thời hạn 06 tháng. Sau khi vay tiền về sử dụng bà L không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H theo thỏa thuận. Đến ngày 20/6/2020 hai bên chốt nợ, bà L còn nợ bà H 285.000.000đồng tiền gốc và 73.800.000đồng tiền lãi, sau khi bên viết giấy thỏa thuận, đến ngày 21/01/2021 bà L trả cho bà H 43.000.000đồng (trong đó có 30.000.000đồng tiền gốc và 13.000.000đồng). Bà L còn nợ 255.000.000đồng và mỗi tháng bà L phải trả cho bà H 5.000.000đồng tiền lãi nếu dư thì trừ vào tiền gốc và thỏa thuận lãi là 1,3%/tháng cho đến khi trả hết số tiền trên. Đến ngày 22/3/2021 bà L trả 5.000.000đồng, đến ngày 26/4/2021 trả 5.000.000đồng. Do bà L không thực hiện theo cam kết ngày 20/6/2020 nên bà H khởi kiện yêu cầu bà L phải trả 255.000.000đồng tiền gốc và 150.397.000đồng tiền lãi.

Đối với bị đơn bà Mai Thị L cho rằng: Từ năm 2017 đến năm 2018 bà có vay tiền của bà H nhiều lần, tổng số tiền vay là 285.000.000đồng, trong thời gian vay tiền bà đã trả cho bà H 30.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi, đến ngày 21/01/2021 bà với bà H đã thỏa thuận bà còn nợ 255.000.000đồng tiền gốc và mỗi tháng bà phải trả cho bà H 5.000.000đồng tiền lãi nếu còn dư trừ vào tiền gốc.

Trong thời gian thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay bà L thừa nhận bà còn nợ bà H 255.000.000đồng tiền gốc. Nay tại phiên bà H yêu cầu bà L trả số tiền gốc 255.000.000đồng bà L tự nguyện nhận trả cho bà H số tiền gốc trên. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà H và bà L đã thỏa thuận được với nhau đối với số tiền gốc 255.000.000đồng, việc thỏa thuận giữa bà H với bà L là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bà Mai Thị L trả 255.000.000đồng tiền gốc cho bà Nguyễn Thị H là phù hợp với qui định pháp luật.

[3]. Đối với khoản tiền lãi bà H yêu cầu bà L trả 150.397.000đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Năm 2017 và năm 2018 bà H cho bà L vay số tiền 285.000.000đồng. Do bà L không trả tiền gốc và tiền lãi cho bà H, đến năm 2020 bà H khởi kiện bà L tại Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà vụ án đã được thụ lý giải quyết, trong thời gian thụ lý, giải quyết vụ án. Đến ngày 20/6/2020 bà H và bà L đã thỏa thuận với nhau về tiền gốc 285.000.000đồng và 73.800.000đồng tiền lãi nên bà H rút đơn khởi kiện đã được Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Do bà L không thực hiện việc trả nợ gốc và nợ lãi cho bà H nên đến tháng 3/2021 bà H khởi kiện yêu cầu bà L trả 285.000.000đồng tiền gốc và 150.397.000đồng tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản thỏa thuận ngày 20/6/2020 bà L xác nhận bà còn nợ bà H 73.800.000đồng tiền lãi trên số tiền gốc 285.000.000đồng tính từ ngày 20/10/2017 đến nay 20/6/2020. Như vậy việc các bên thỏa thuận khoản trả tiền lãi trên số tiền gốc phù hợp với qui định của pháp luật nên buộc bà L trả cho bà H 73.800.000đồng tiền lãi là hoàn toàn có cơ sở.

Tại bản thỏa thuận ngày 20/6/2020 bà L phải trả 285.000.000đồng tiền gốc, lãi suất bà H 2.0%/tháng tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày 21/01/2021. Xét thấy, việc bà H yêu cầu bà L trả lãi 2.0%/tháng /285.000.000đồng tiền gốc là không phù hợp với qui định của pháp luật, do vậy cần điều chỉnh lãi suất cho phù hợp được qui định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm, tương đương với 1.66%/tháng trên số tiền gốc phải trả. Tiền lãi được tính như sau: Tính từ ngày 20/6/2020 đến ngày 21/01/2021 là 07 tháng. $(285.000.000\text{đồng} \times 1.66\%/tháng \times 07\text{ tháng}) = 33.117.000\text{đồng}$. Như vậy buộc bà L trả cho bà H 33.117.000đồng tiền lãi. Nhưng được khấu trừ 13.000.000đồng tiền lãi mà Loan trả trước đó cho bà H, bà L còn phải trả 20.117.000đồng tiền lãi. $(33.117.000\text{đồng} - 13.000.000\text{đồng} = 20.117.000\text{đồng})$.

Tại giấy thỏa thuận ngày 21/01/2021 giữa bà H và bà L, các bên thỏa thuận lãi là 1,3%/tháng trên số tiền gốc 255.000.000đồng. Việc các bên thỏa thuận lãi 1,3%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Tiền lãi được tính như sau: Tính từ ngày 22/01/2021 đến ngày xét xử 17/6/2021 là 04 tháng 25 ngày.

- $(255.000.000\text{đồng} \times 1,3\%/\text{tháng} \times 04\text{ tháng}) = 13.260.000\text{đồng}$.

- $(255.000.000\text{đồng} \times 1,3\%/\text{tháng} \times 25\text{ ngày} : 30) = 2.762.500\text{đồng}$.

Do vậy buộc bà Mai Thị L trả 16.022.500đồng tiền lãi cho bà Nguyễn Thị H. Nhưng được khấu trừ 10.000.000đồng tiền lãi bà L đã trả vào các ngày 23/3/2021, ngày 26/4/2021, buộc bà L còn phải trả cho bà H 6.022.500đồng tiền lãi. $(16.022.500\text{đồng} - 10.000.000\text{đồng} = 6.022.500\text{đồng})$. Tổng số tiền lãi bà L còn phải trả cho bà H là: 99.939.500đồng.

[4]. Về án phí: Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền không được chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nay bà H nay đã 62 tuổi, là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi. Vì vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà H.

Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203, Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 463; Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hương. Buộc bà Mai Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền là: 354.939.500đồng (*Ba trăm năm mươi bốn triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm trăm đồng*), trong đó 255.000.000đồng (*Hai trăm năm mươi lăm triệu trăm đồng*) tiền gốc và 99.939.500đồng (*Chín mươi chín triệu chín trăm ba mươi chín nghìn năm*

trăm đồng) tiền lãi. Bà L tiếp tục chịu tiền lãi tính từ ngày tiếp theo (18/6/2021) cho đến khi trả hết số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”.

2. Về án phí: Buộc bà Mai Thị L phải nộp 17.747.000đồng (Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự”.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/6/2021) các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thái Sơn